TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Khắc Quyết.
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn D, sinh năm 1975, ĐKTT: Tổ 4, phường V, quận Đ, Hải Phòng; cư trú tại: B, phường V, quận Đ, Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Bích D, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 4, phường V, quận Đ, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 20-3-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đặng Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị D chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận Đ, Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống tại B, phường V, quận Đ. Anh, chị sống hạnh phúc được khoảng 4 năm đầu và sau đó, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D ham chơi cờ bạc, không chịu lao động, không quan tâm đến gia đình. Bản

thân anh và gia đình hai bên đã cố gắng khuyên bảo chị D, nhưng chị D vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 8-2015, chị D tự ý bỏ nhà đi làm ăn ở xa, không cho anh biết là đang ở đâu và làm gì. Từ đó đến nay, chị D không về thăm nhà và cũng không liên lạc với anh, nhưng anh được biết chị D thường xuyên có liên lạc với mẹ đẻ của chị. Anh có hỏi gia đình nhà chị D, mẹ chị D cũng cho biết là chị D giấu không cho bà biết địa chỉ ở đâu. Kể từ khi chị D bỏ nhà đi, một mình anh nuôi dạy các con. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị D đã không còn tồn tại và không có trách nhiệm gì đối với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh và chị D có 02 con là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 24-9-1999 và Đặng Hồng A, sinh ngày 19-11-2007. Do chị D bỏ đi, không có trách nhiệm với con nên anh nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị D không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị D theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã triệu tập chị D nhiều lần, nhưng chị D vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của chị D. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị D và địa phương, cho thấy: Chị D đang sinh sống ở Việt Nam và thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú.

Do chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt chị D theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho chị D theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D; đề nghị Tòa án giao cháu D và cháu Hồng A cho anh nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Về con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu D và cháu Hồng A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của chị Vũ Thị Bích D: Tại phiên tòa ngày 25-8-2017, chị D vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, thông báo cho chị D biết về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, chị D vẫn vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là chị D cư trú tại Tổ 4, Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn.

[3]. Về hôn nhân: Anh Đặng Văn D và chị D chung sống trên cơ sở tự nguyện từ năm 1999, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND phường Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Trong quá trình hôn nhân, anh D và chị D chung sống hạnh phúc được 4 năm. Sau đó, giữa anh D và chị D thường xuyên xảy ra việc mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau, chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị để ở. Từ khoảng tháng 8 năm 2015, chị D đi làm ăn, sinh sống ở nơi khác, không còn quan tâm, liên lạc gì với anh D và cũng không cho anh D không biết chị đang ở đâu và làm gì. Tuy chị D không có bản tự khai gửi Tòa án, không tham gia tố tụng, nhưng trên thực tế, chị D vẫn thường xuyên liên lạc và thỉnh thoảng về thăm mẹ của chị là bà Lương Thị X. Bà X cho biết, chị D biết việc anh D khởi kiện xin ly hôn chị, nhưng do bận công việc nên chị không thể về Tòa án tham gia tố tụng được; chị D cũng cho biết là không còn tình cảm với anh D, không muốn quay về chung sống cùng anh D nữa và đồng ý với việc xin ly hôn của anh D. Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân của anh D và chị D đã không còn hạnh phúc, đời sống chung từ lâu đã không còn tồn tại nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị D, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Anh D và chị D có 02 con chung là Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 24-9-1999 và Đặng Hồng A, sinh ngày 19-11-2007. Từ khi anh D và chị D ly thân cho đến nay, anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ các con. Anh D nhận nuôi cả hai con. Thông qua bà X, chị D thể hiện quan điểm tôn trọng nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi. Tại các đơn đề

nghị ghi ngày 20-4-2017, cháu Thùy D và cháu Hồng A đều nêu nguyện vọng muốn được ở cùng với bố sau khi bố, mẹ ly hôn. Xét yêu cầu của anh D, xét nguyện vọng của cháu D và cháu Hồng A, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh D về việc nuôi con chung; việc giao cháu Thùy D và cháu Hồng A cho anh D nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về chia tài sản chung: Anh D nêu, giữa anh và chị D không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Anh D và chị D được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Văn D, cho ly hôn giữa anh D và chị Vũ Thị Bích D.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh D, giao con chung Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 24-9-1999 và Đặng Hồng A, sinh ngày 19-11-2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi anh D và chị D có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số AA/2010/7202 ngày 27-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm